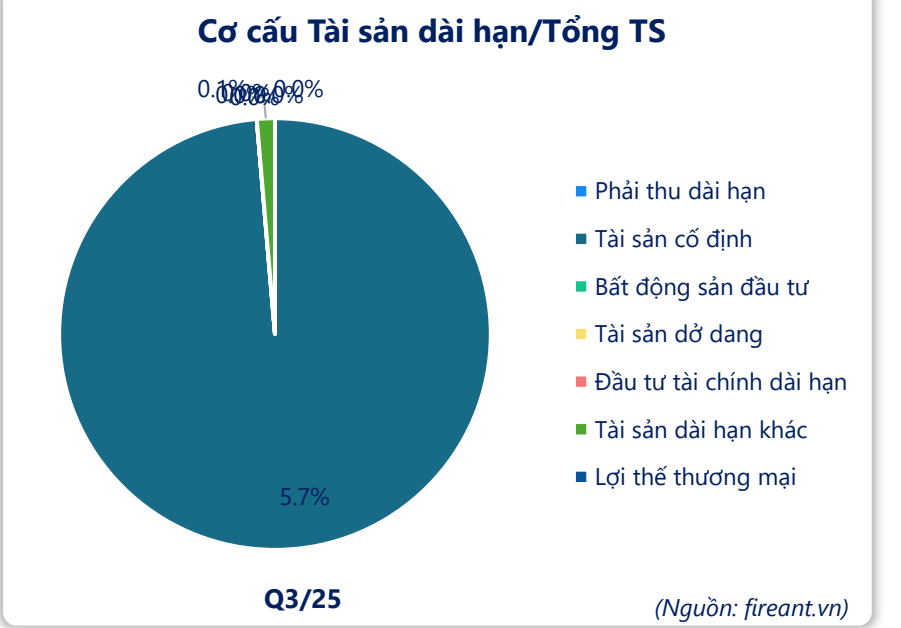
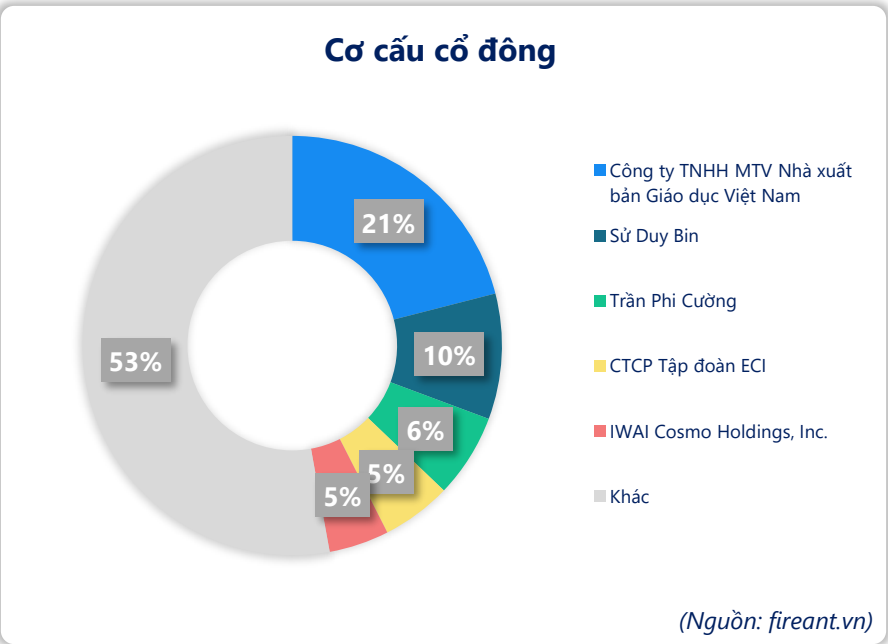
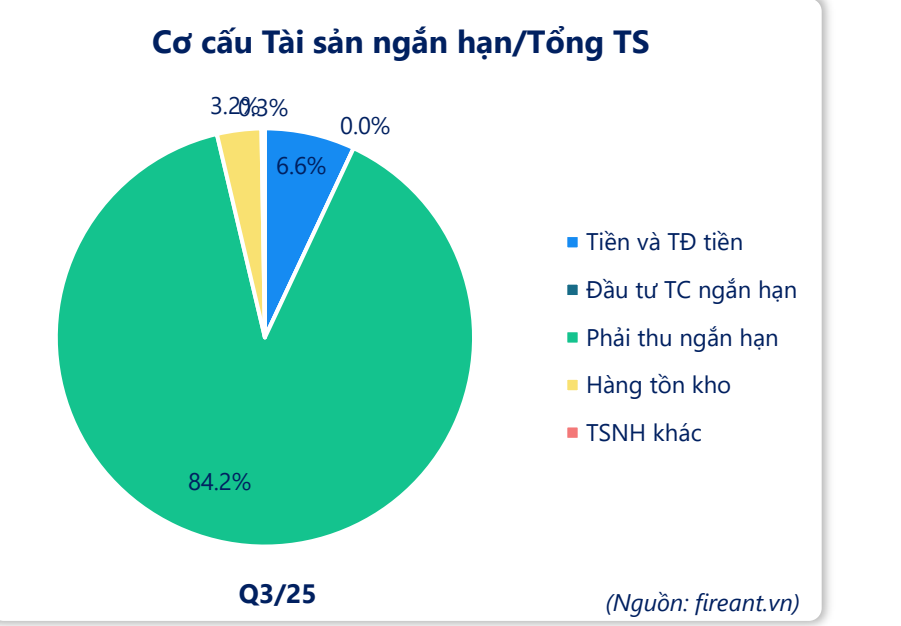
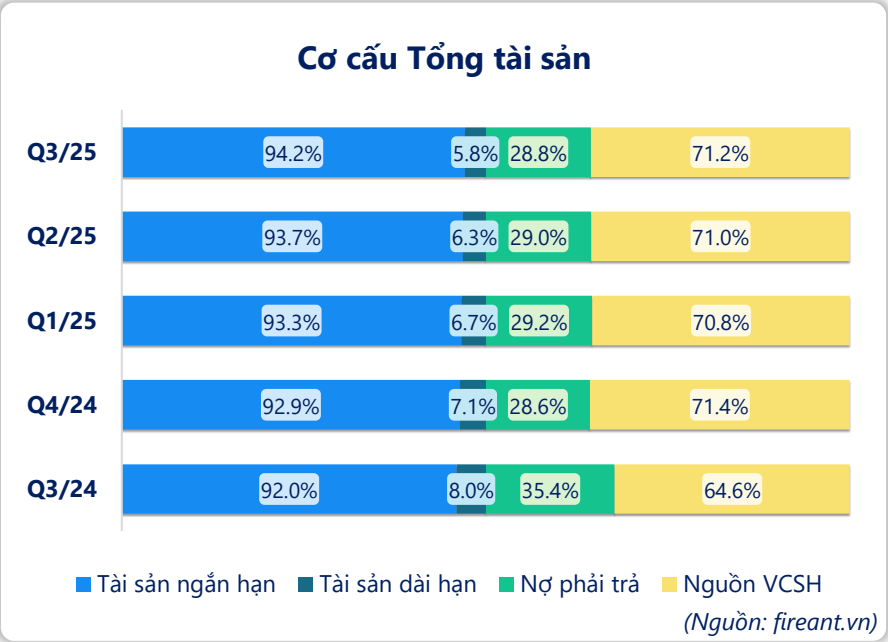
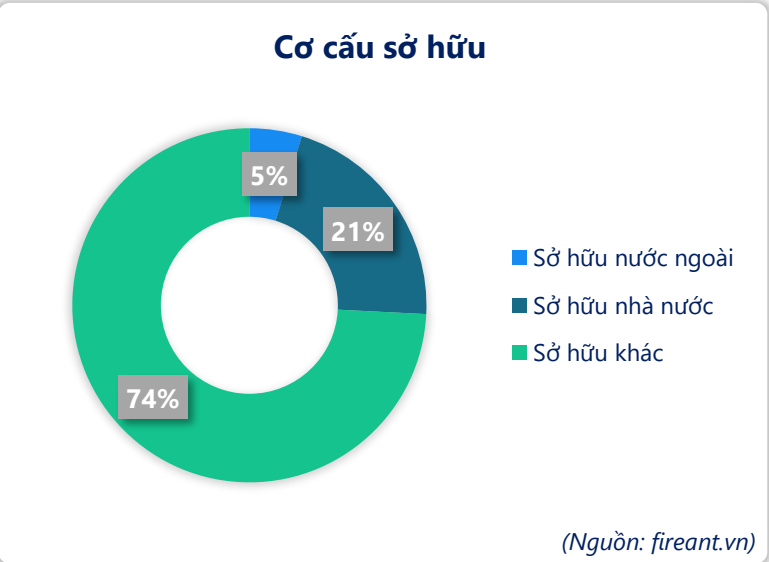
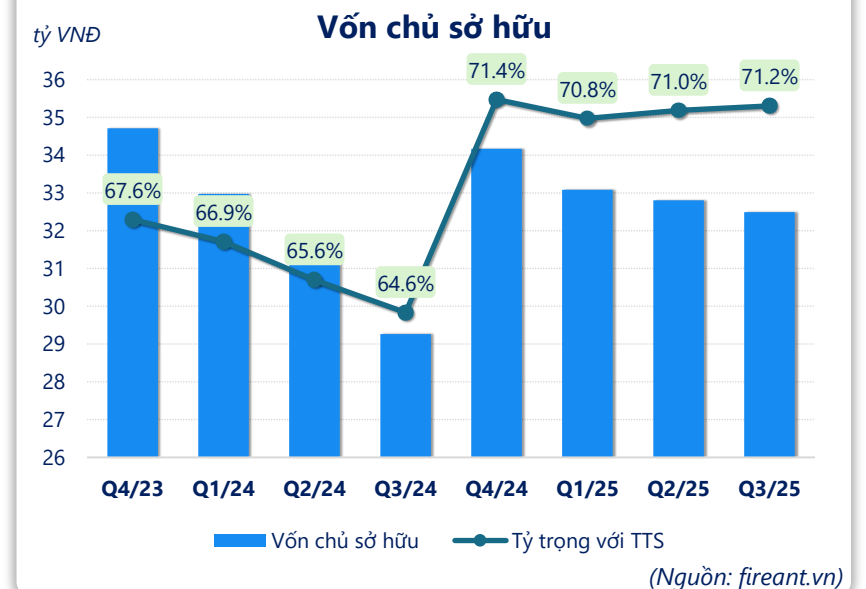
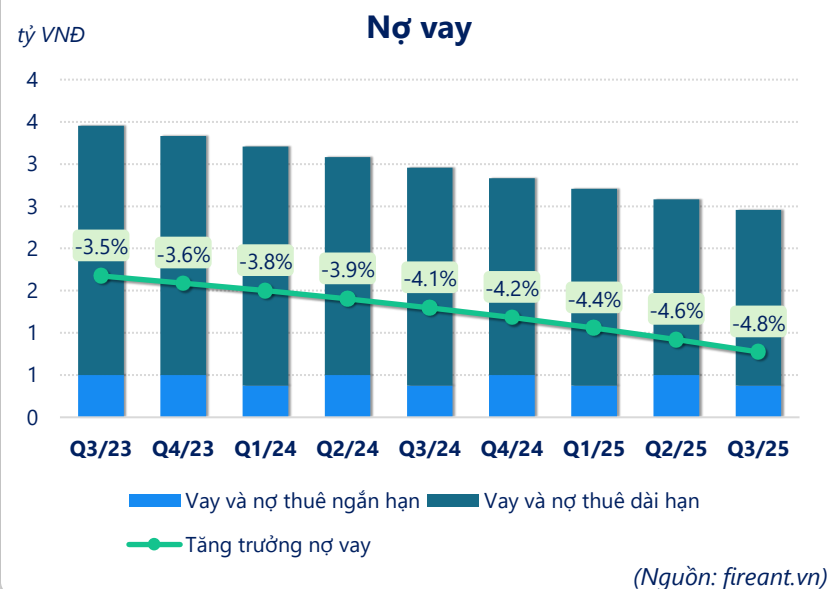
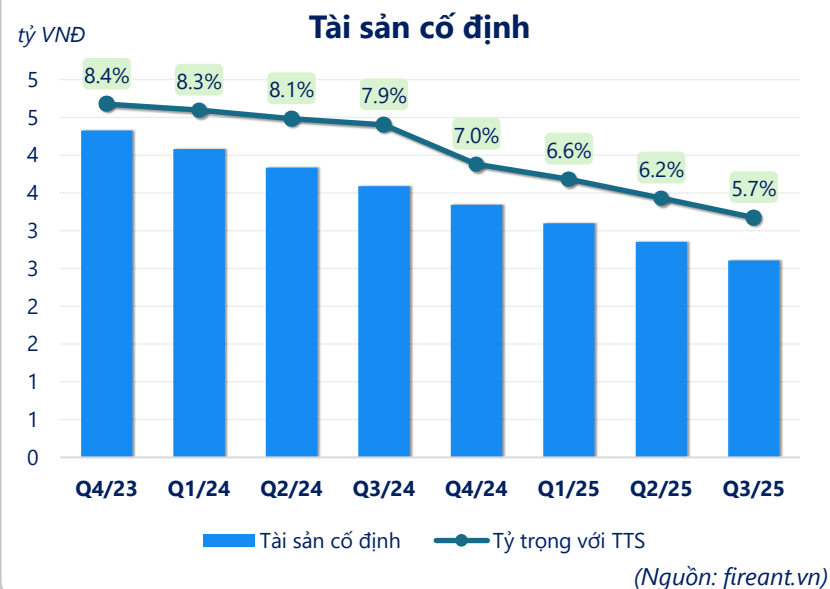
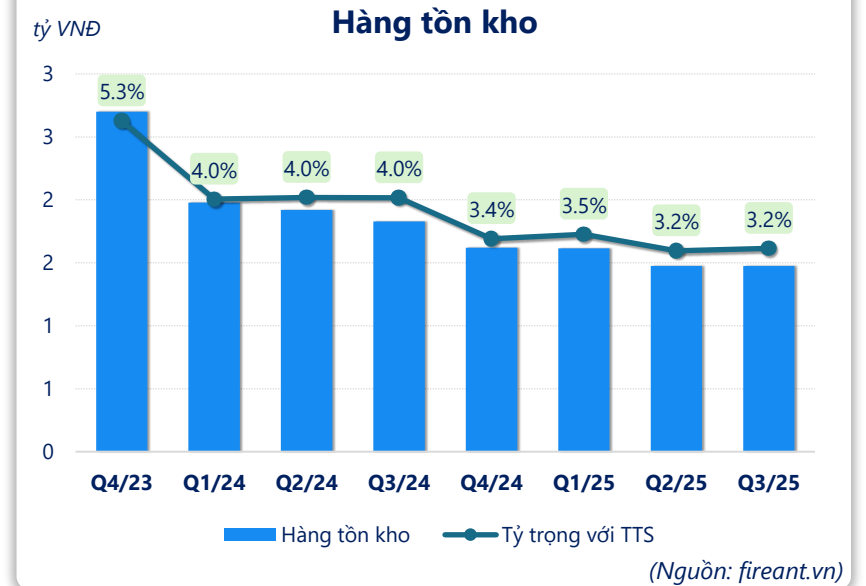
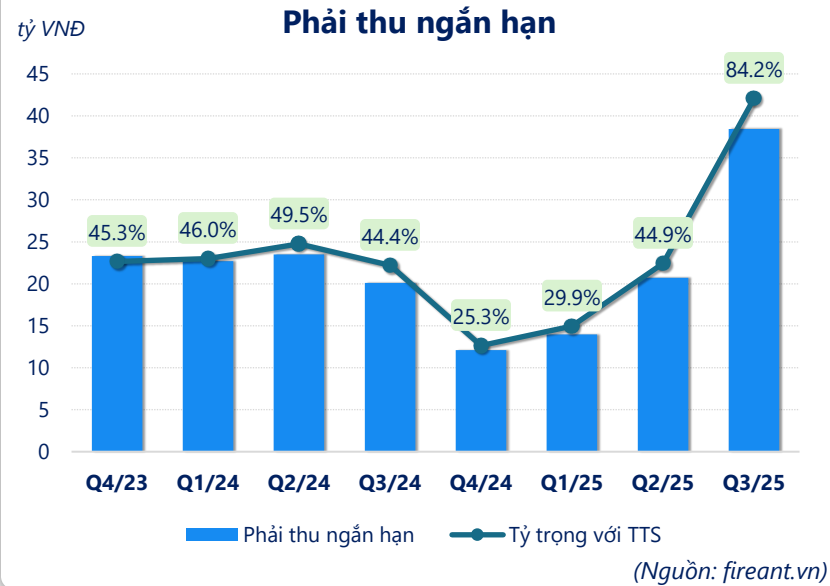
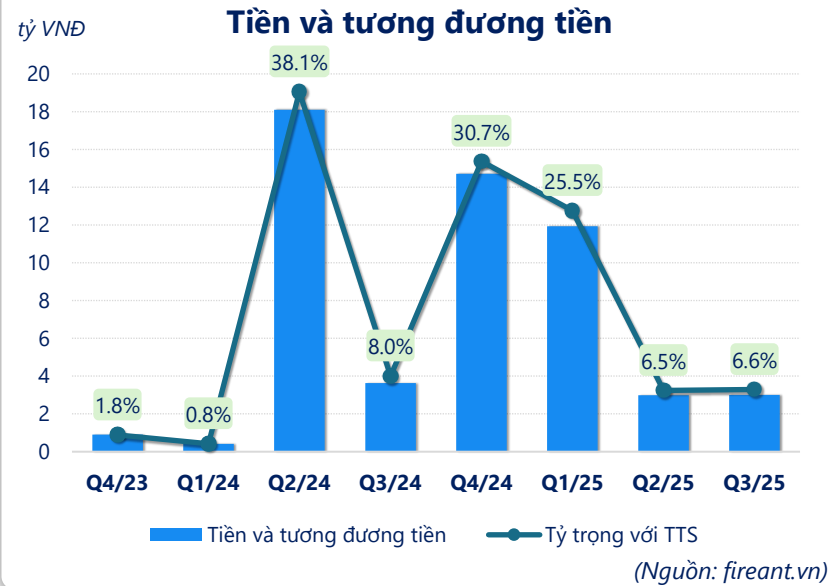
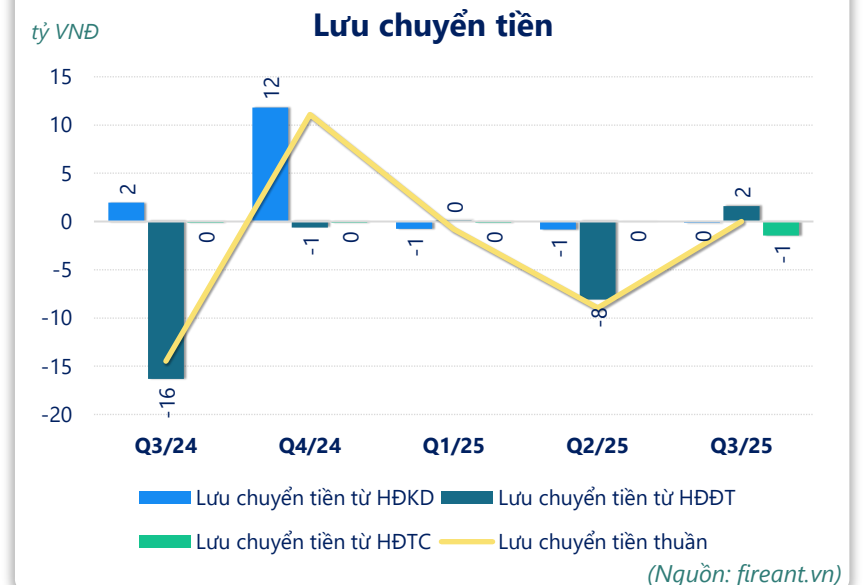
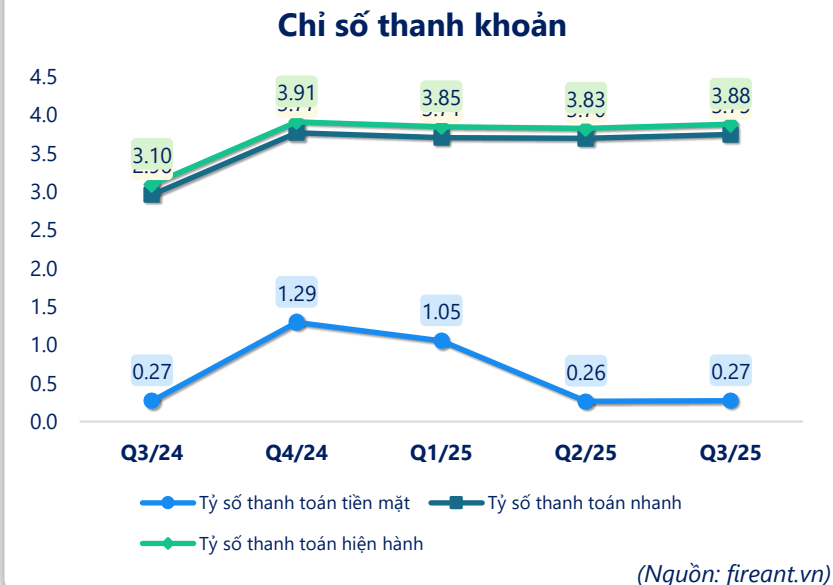
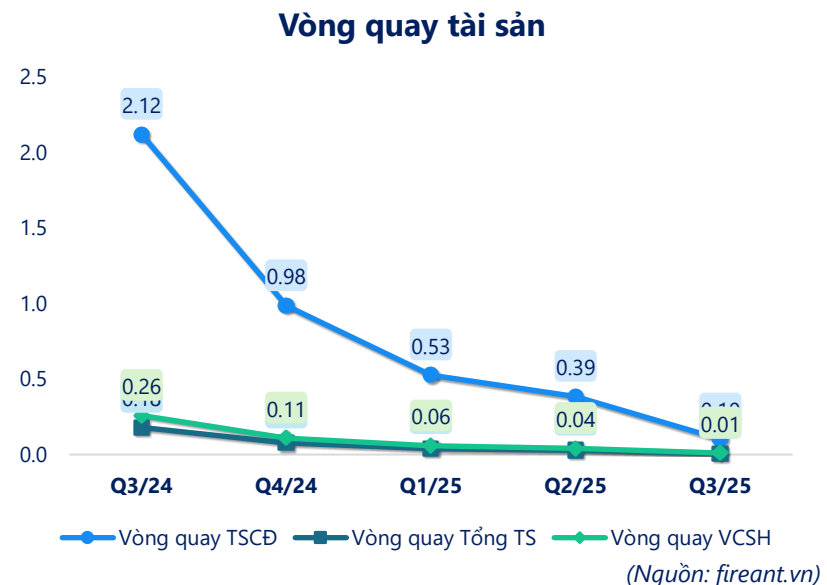
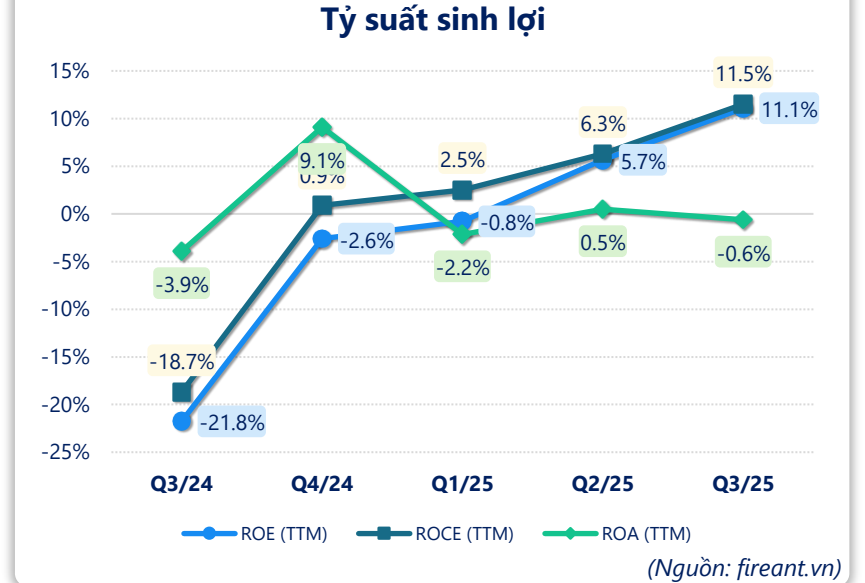
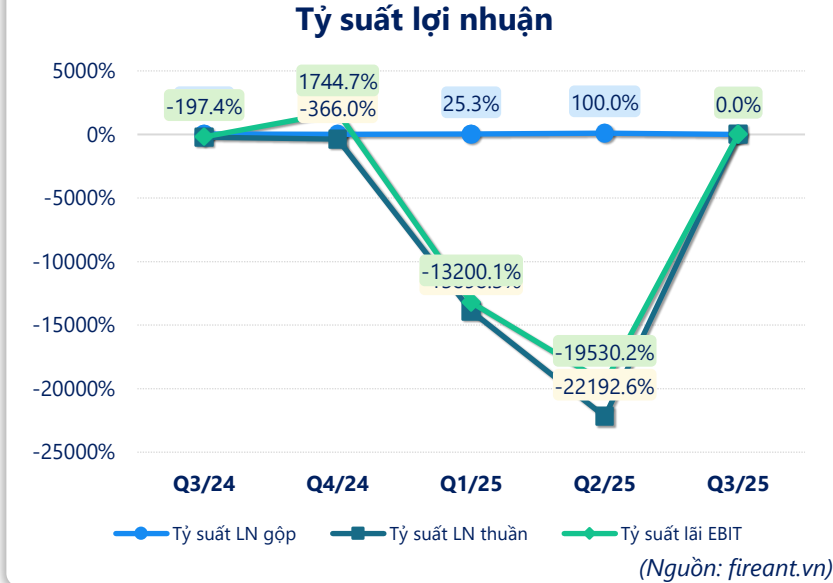
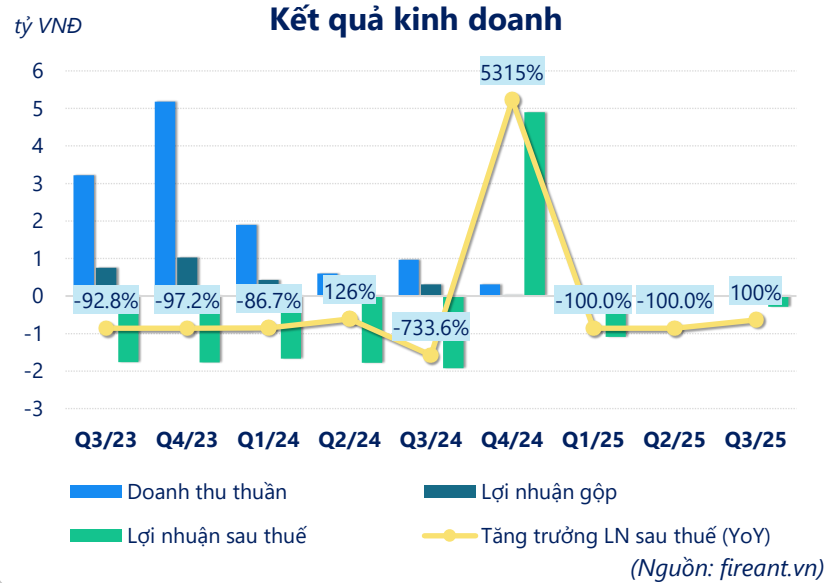


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,200
SL cổ phiếu LH		1,760,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,515
% sở hữu nước ngoài		4.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		16
P/E		4.6
EPS		1,945

	YTD	1T	3T	6T
ECI	-54.8%	-13.5%	-38.4%	-38.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	45.7	47.9	-4.6%
Tài sản ngắn hạn	43.0	44.5	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	3.00	12.7	-76.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	16.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	38.4	14.1	172%
Hàng tồn kho	1.47	1.62	-9.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.11	0.05	114%
Tài sản dài hạn	2.64	3.38	-21.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.61	3.34	-22.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.04	0.04	-5.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	13.2	13.7	-4.0%
Nợ ngắn hạn	11.1	11.4	-2.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.37	0.50	-25.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.27	7.18	1.1%
Nợ dài hạn	2.08	2.33	-10.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.08	2.33	-10.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	32.5	34.2	-4.9%
Vốn chủ sở hữu	32.5	34.2	-4.9%
Vốn điều lệ	18.6	18.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0.97	0.31	0.01	0.00	0
Giá vốn hàng bán	0.66	0.28	0.01	0	0
Lợi nhuận gộp	0.31	0.03	0.00	0.00	0
Doanh thu HĐTC	0.03	0.29	0.00	0.71	0.36
Chi phí TC	0.06	0.08	0.06	0.06	0.04
Chi phí lãi vay	0.06	0.06	0.06	0.06	0.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.09	0.63	0.29	0.15	0
Chi phí QLDN	1.18	0.74	0.74	0.85	0.61
LN thuần từ HĐKD	-1.99	-1.13	-1.08	-0.34	-0.29
Lợi nhuận khác	0.01	6.47	-0.01	-0.02	0
LN trước thuế	-1.98	5.33	-1.08	-0.36	-0.29
Lợi nhuận sau thuế	-1.93	4.90	-1.08	-0.36	-0.29
LNST của CĐ cty mẹ	-1.89	4.52	-1.04	0.22	-0.28

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.98	11.8	-0.75	-0.84	-0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.3	-0.61	0.09	-8.09	1.59
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.12	-0.12	-0.12	-0.02	-1.46
Tiền đầu kỳ	18.1	3.63	12.7	11.9	2.99
Lưu chuyển tiền thuần	-14.5	11.1	-0.78	-8.94	0.01
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.63	14.7	11.9	2.99	3.00

(Nguồn: fireant.vn)